

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST

Ngày: 12/01/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Ngọc và bà Vũ Thị Nữ

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phi Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2020/TLST-HS ngày 30/11/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HS ngày 30/12/2020 đối với bị cáo:

Trần Nguyễn Minh N, sinh năm 1998 tại Bình Thuận, Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn A và bà Nguyễn Thị T; tiền án: Không; Tiền sự: Tại Quyết định số 15/QĐ-TA ngày 18/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chấp hành xong ngày 23/7/2018.; Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại tòa;

- *Người bị hại:* Trần Thị B, sinh năm 1982, HKTT: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận (*Chết*)

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Bảo Q, sinh năm 1985 là chồng của bị hại. (*có mặt*)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thị Kim P, sinh ngày 07/4/2010

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Bảo Q, sinh năm 1985 là cha ruột. (*có mặt*)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

2. Trần Thị Ánh T1, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

3. Nguyễn Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 24/11/2013

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 và bà Trần Thị Ánh T1 sinh năm 1988 là cha, mẹ ruột. (có mặt)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

4. Phan Thị Diệu A, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

5. Lê Tuấn A1, sinh ngày 14/02/2010

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Diệu A sinh năm 1969 là bà ngoại ruột. (vắng mặt)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

6. Trần Văn Ph, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù chưa có giấy phép lái xe ô tô theo quy định nhưng sáng ngày 25/5/2020, Trần Nguyễn Minh N điều khiển xe ô tô hiệu TOYOTA FORTUNER biển kiểm soát 86A-065.06 chở anh ruột là Trần Văn Ph (ngồi bên ghế phụ) lưu thông trên Quốc lộ 55 hướng thị xã La Gi đi Xuyên Mộc (Bà Rịa – Vũng Tàu). Khoảng 06 giờ 20 phút cùng ngày đến đoạn Km 54+380-QL55 thuộc thôn Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận, đây là đoạn đường cong cua về bên phải theo hướng La Gi đi Xuyên Mộc, có cắm biển báo nguy hiểm “đường cong”. Lúc này trời đang mưa to, N điều khiển xe với tốc độ khoảng 60 Km/h (theo lời khai của N) lưu thông trên phần đường bên phải hướng La Gi đi Xuyên Mộc. Do không không làm chủ được tay lái, đã để xe ô tô 86A-065.06 do mình điều khiển lao sang phần đường bên trái tông va liên tiếp vào 03 xe mô tô đang lưu thông theo chiều ngược lại gây tai nạn giao thông gồm: xe mô tô biển kiểm soát 86B5-161.48 do chị Trần Thị B, sinh năm 1982 điều khiển chở con ruột là Trần Thị Kim P, sinh năm 2010; xe mô tô biển kiểm soát 86B5-308.10 do chị Trần Thị Ánh T1, sinh năm 1988 điều khiển chở con ruột là Nguyễn Ngọc Kim Ngân, sinh năm 2013 và xe mô tô không có biển kiểm soát do bà Phan Thị Diệu A, sinh năm 1969 điều khiển chở cháu ngoại là Lê Tuấn A1, sinh năm 2010. Hậu quả chị Trần Thị B tử vong tại hiện trường, năm người còn lại đi trên ba xe mô tô bị thương tích nhưng từ chối giám định thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 134/2020/TT ngày 05/6/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận, kết luận nguyên nhân chết của Trần Thị B: Choáng không phục hồi sau đa chấn thương dẫn đến tử vong.

Vật chứng vụ án đã thu giữ gồm 01 xe ô tô 86A-065.06 đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Lê Trần Diễm Lệ; xe mô tô 86B5- 308.10 đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn T; xe mô tô 86B5- 161.48 đã trả lại cho đại diện chủ sở hữu là ông Trần Phi Cường; xe mô tô không biển kiểm soát đã trả lại cho bà Phan Thị Diệu A.

Về phần dân sự: Sau tai nạn, Trần Nguyễn Minh N và gia đình đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại Trần Thị B số tiền 155.000.000 đồng và cam kết hỗ trợ tiền cấp dưỡng cho cháu Trần Thị Kim P số tiền là 144.000.000 đồng; đã bồi thường cho bà Phan Thị Diệu A số tiền 8.000.000 đồng. Hiện đại diện gia đình bị hại và bà Ánh đã làm đơn bãi nại. Bà Ánh không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự. Ông Trần Bảo Q là đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 144.000.000 đồng tiền cấp dưỡng; chị Trần Thị Ánh T1 yêu cầu bồi thường 80.000.000 đồng bao gồm chi phí chữa trị vết thương và chi phí sửa chữa xe mô tô, đến nay Trần Nguyễn Minh N đã bồi thường 50.000.000 đồng và cam kết sẽ khắc phục 30.000.000 đồng còn lại. Hiện Trần Nguyễn Minh N vẫn chưa bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của VKS đã truy tố và thống nhất với các điều khoản mà VKS viện dẫn trong cáo trạng.

Đại diện hợp pháp của người bị hại nhất trí với cáo trạng và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 25/11/2020 của VKSND huyện Hàm Tân đã truy tố bị cáo Trần Nguyễn Minh N về tội “Vi phạm Quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, khoản 2 Điều 260 BLHS;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, qua đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện gia đình bị hại đã xin giảm nhẹ cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, qua đó VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Minh N từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về vật chứng: 01 xe ô tô 86A-065.06; xe mô tô 86B5- 308.10; xe mô tô 86B5-161.48 và xe mô tô không biển kiểm soát Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Tân đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Thị Ánh T1 số tiền 30.000.000đồng và gia đình anh Trần Bảo Q số tiền 144.000.000đồng. .

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày lời nói sau cùng, qua đó, bị cáo đã nhận tội như cáo trạng truy tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan công an huyện Hàm Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trần Nguyễn Minh N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Mặc dù chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định nhưng khoảng 06 giờ 20 phút ngày 25/5/2020, Trần Nguyễn Minh N vẫn điều khiển xe ô tô 86A-065.06 lưu thông trên đường, khi đến đoạn Km 54+380-QL55 thuộc thôn Trú tại: Thôn H, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận, đây là đoạn đường cong cua về bên phải nhưng N không giảm tốc độ đến mức không còn nguy hiểm và không làm chủ được tay lái nên đã để xe ô tô do mình điều khiển lấn sang phần đường bên trái tông va liên tiếp vào 03 xe mô tô đang di chuyển theo chiều ngược lại gây tai nạn giao thông. Hậu quả chị Trần Thị B tử vong và 05 người khác bị thương.

Nguyên nhân gây tai nạn là do lỗi chủ quan của bị cáo đã không tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của nhà nước về an toàn khi tham gia giao thông. Vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường; Điều 5 Thông tư số 91/2015/BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải

### **Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định:**

*“1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.”*

## **Điều 5 Thông tư số 91 quy định:**

*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:*

*3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường mà mặt đường không êm thuận.*

*11. Trời mưa; có sương mù, khói, bụi; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, cát bụi rơi vãi.*

Do những người bị thương đã từ chối giám định thương tích nên không có cơ sở để xử lý bị cáo đối với việc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Với hậu quả xảy ra làm chết một người thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 điều 260 BLHS. Tuy nhiên do bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 260 BLHS.

[3] Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện H căn cứ vào hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông đường bộ của bị cáo và bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định; với hậu quả đã xảy ra làm chết một người để truy tố bị cáo Trần Nguyễn Minh N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 điều 260 BLHS là đúng người, đúng tội nên HĐXX chấp nhận.

[4] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến tính mạng của người khác. Hành vi đó không chỉ vi phạm pháp luật mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy HĐXX cần xử lý nghiêm để góp phần răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã cùng với gia đình đã bồi thường hại cho gia đình người bị hại và một phần thiệt hại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Ngày 18/8/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đến ngày 23/7/2018 mới chấp hành xong và đến ngày 25/5/2020, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên được coi đây là tiền sự. Vì vậy, HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với Trần Văn Ph, mặc dù đã giao xe cho bị cáo điều khiển khi bị cáo chưa có giấy phép lái xe, tuy nhiên do bị cáo nói là đã thi sát hạch bằng lái xe hạng B2 tại Thành phố Hồ Chí Minh và thấy bị cáo đã có giấy phép lái xe nên Phi mới giao cho N điều khiển, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Tân không xử lý đối với Trần Minh Ph là có căn cứ.

Đối với giấy phép lái xe mà N sử dụng, do quá trình điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[6] Về vật chứng: 01 xe ô tô 86A-065.06; xe mô tô 86B5- 308.10; xe mô tô 86B5- 161.48 và xe mô tô không biển kiểm soát. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Tân đã trả cho chủ sở hữu nên HĐXX không xem xét.

[7] Về dân sự: Bà Phan Thị Diệu A không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Bà Trần Thị Ánh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường 30.000.000đồng tiền chi phí đã điều trị cho chị Tuyết, riêng cháu Ngân chỉ bị thương tích nhẹ nên không yêu cầu bồi thường; đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 144.000.000đồng tiền cấp dưỡng cho cháu Trần Thị Kim P. Tại phiên tòa, bị cáo đã đồng ý bồi thường số tiền trên cho bà Tuyết và anh Quốc. Việc bị cáo đồng ý bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm a, khoản 2 điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

*Tuyên bố:* Bị cáo Trần Nguyễn Minh N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

*Xử Phạt:* Bị cáo Trần Nguyễn Minh N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

*Về dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, Điều 590 và Điều 601 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Nguyễn Minh N phải bồi thường tiền cấp dưỡng cho cháu Trần Thị Kim P, sinh ngày 07/4/2010 do anh Trần Bảo Q làm đại diện số tiền là 144.000.000đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng*).

Buộc bị cáo Trần Nguyễn Minh N phải bồi thường cho bà Trần Thị Ánh T1 số tiền là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 8.700.000đồng án phí DSST.

Án xử công khai, báo cho bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- VKSND, CA huyện Hàm Tân;
- Cơ quan THAHS tỉnh Bình Thuận
- Nhà tạm giữ CA huyện Hàm Tân
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS Hàm Tân;
- UBND địa phương bị cáo cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Nguyễn Anh Dũng**